

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-PT

Ngày 24 - 05 - 2021

V/v: *Xin ly hôn, tranh chấp tài sản
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long; Ông Cầm Văn Thanh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc Xin ly hôn, tranh chấp tài sản khi ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2020/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lò Thị L, trú tại: Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đào Văn Hải - Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Cà Văn K, trú tại: Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung T - Giám đốc Ngân hàng, vắng mặt.

+ Anh Cà Văn D; trú tại: Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

+ Anh Lò Văn C; trú tại: Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

+ Chị Hoàng Mai H; trú tại: Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

4. *Người làm chứng:* Ông Phạm Ngọc T; trú tại: xã H, huyện P, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

5. *Người kháng cáo:* Bà Lò Thị L, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lò Thị L trình bày:*

Bà và ông Cà Văn K kết hôn vào ngày 02/8/2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống, hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Cà Văn K hay uống rượu và hành hạ bà. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có yêu cầu ly hôn với ông Cà Văn K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Có 03 con dê nuôi từ năm 2012 hiện nay gửi trên nhà anh Lò Văn C em họ ông Cà Văn K.

Về tài sản riêng: Đất ở là 160m², trên đất có nhà xây cấp 4, xây dựng năm 2002 mua lại của ông Phạm Ngọc Thắng; phía trước có nhà khung sắt lợp tôn, phía sau có nhà sàn khung sắt lợp Ploximăng đều làm năm 2018; công trình phụ gồm hai bể nước, một nhà vệ sinh đều làm trong thời kỳ hôn nhân; địa chỉ tại Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La.

Tài sản vật dụng hiện còn: Hai chiếc xe máy đều mua trong thời kỳ hôn nhân, một xe nhãn hiệu SYM biển kiểm soát 26B1-36.520 hiện nay ông Cà Văn K đang sử dụng; một xe Honda Wave RSX biển kiểm soát 26L1-02.122, hiện nay bà Lò Thị L đang sử dụng; 01 tủ đông hiệu Nano Mistu; 01 bình nóng lạnh; 02 mắt Camera; 01 giường đôi gỗ lát, 01 giường đôi gỗ Pomu; 02 tủ đứng tôn; 01 máy làm ruốc; 01 máy bơm nước; 01 bếp ga; 01 téc nhựa; 01 téc Inoc Toàn á; 01 máy lọc nước Aqua. Bà Lò Thị L xác định toàn bộ số tài sản trên là tài sản riêng của bà và yêu cầu được sở hữu toàn bộ.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La khoản vay số tiền gốc 50.000.000, đồng tính đến nay còn nợ là 20.000.000 đồng, mục đích vay về sửa nhà, bà Lò Thị L yêu cầu chia đôi khoản nợ.

Người khác nợ: Anh Cà Văn D con trai ông Cà Văn K vay số tiền 20.000.000 đồng nay bà yêu cầu ông Cà Văn K phải trả cho bà một nửa. Bà xác nhận giấy vay đề ngày 12/01/2020 là do bà tự viết và tự ký, không phải anh Cà Văn D viết, ký.

** Bị đơn ông Cà Văn K trình bày:*

Ông thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí về việc ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung gồm: Đất ở là 160m², trên đất có nhà xây cấp 4, xây dựng năm 2002 mua lại của ông Phạm Ngọc Thăng; phía trước có nhà khung sắt lợp tôn, phía sau có nhà sàn khung sắt lợp Ploximăng đều làm năm 2018; công trình phụ gồm hai bể nước, một nhà vệ sinh đều làm trong thời kỳ hôn nhân; địa chỉ ở tại Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La.

Tài sản vật dụng hiện còn: Hai chiếc xe máy đều mua trong thời kỳ hôn nhân, một xe nhãn hiệu SYM biển kiểm soát 26B1-36.520 hiện nay ông Cà Văn K đang sử dụng; một xe Honda Wave RSX biển kiểm soát 26L1-02.122, đều đăng ký mang tên Lò Thị L, hiện nay bà Lò Thị L đang sử dụng; 01 tủ đông hiệu Nano Mistu; 01 bình nóng lạnh; 02 mắt Camera; 01 giường đôi gỗ lát, 01 giường đôi gỗ Pomu; 02 tủ đứng tôn; 01 máy làm ruốc; 01 máy bơm nước; 01 bếp ga; 01 téc nhựa; 01 téc Inoc Toàn á; 01 máy lọc nước Aqua.

Ông không công nhận việc bà Lò Thị L cho rằng tất cả tài sản là của riêng bà vì đất đai nhà cửa do hai người bỏ tiền ra mua chung của ông Phạm Ngọc Thăng, ông xuất trình giấy trả tiền mua nhà đất mà hai người cùng trả. Các tài sản khác đều được mua, xây dựng trong lúc hai người sống chung. Nay ông yêu cầu chia đôi đất và các tài sản.

Về nợ chung: Ông K công nhận có nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La khoản vay số tiền gốc 50.000.000 đồng đã trả được 30.000.000 đồng nay còn nợ là 20.000.000 đồng, ông đồng ý chia đôi khoản nợ mỗi người trả một nửa.

Người khác nợ:

Bà Lò Thị L cho anh Cà Văn D con trai ông Cà Văn K có vay số tiền 20.000.000 đồng hay không ông không biết, nay bà yêu cầu ông Cà Văn K phải trả cho bà một nửa, ông không nhất trí, nếu đúng thì bà Lò Thị L phải đi đòi anh Cà Văn D.

Cho chị Hoàng Mai H ở Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La, vay số tiền gốc là 20.000.000 đồng do bà Lò Thị L giữ giấy tờ, ông yêu cầu chia đôi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La trình bày: Căn cứ sổ vay vốn mã khách hàng 7054937863 ngày 02/12/2016 bà Lò Thị L và ông Cà Văn K vay tiền gốc là 50.000.000 đồng theo chương trình hỗ trợ hộ kinh doanh. Hiện nay đã trả được 30.000.000 đồng, còn nợ gốc là 20.000.000 đồng. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu bà Lò Thị L là người phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

- Anh Cà Văn D trình bày: Anh không được vay tiền của bà Lò Thị L. Anh xác nhận giấy vay đề ngày 12/01/2020 không phải anh Cà Văn D viết, ký, nên việc bà Lò Thị L đòi anh là không đúng, anh không nhất trí.

- Anh Lò Văn C trình bày: Năm 2012 ông Cà Văn K là anh họ có gửi anh nuôi hộ hai con dê vì nhà anh gần rừng, con mẹ khoảng 20kg, con nhỏ nuôi đến khoảng 10kg bị mất trộm, con mẹ bị bệnh long móng ông Cà Văn K và bà Lò Thị

L cùng anh Cà Văn D lên bắt về. Bà Lò Thị L khai anh đang nuôi ba con dê là không đúng sự thật. Hiện nay anh không nuôi hộ gì cho ông bà nữa.

- Chị Hoàng Mai H trình bày: Chị không được vay tiền của bà Lò Thị L và ông Cà Văn K, họ khai như vậy là sai, chị xác định không liên quan gì đến nợ của hai ông bà.

* Tại Bản án sơ thẩm số: 60/2020/HNGĐ-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La đã Quyết định: Căn cứ Điều 33, Điều 37, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho bà Lò Thị L được ly hôn ông Cà Văn K.

2. Về tài sản chung:

* Bà Lò Thị L được quyền sở hữu nhà, tài sản và quyền sử dụng đất gồm:

- Bà Lò Thị L được sử dụng đất ở là 133,2m². Phía trước tiếp giáp đường liên xã Pi Toong - Mường Trai rộng 4,0m; phía sau tiếp giáp ao ông Lò Văn Thuận rộng 4,0m; Phía giáp đất chia cho ông Cà Văn K dài 33,3m; Phía giáp nhà bà Hoàng Thị Hòa dài 33,3m. Đất thuộc thửa số 42, tờ bản đồ 77, địa chỉ thửa đất Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La.

- Bà Lò Thị L được sở hữu phần nhà xây cấp 4; phần phía trước có nhà khung sắt lợp tôn, phần nhà phía sau có nhà sàn khung sắt lợp Ploximăng nằm trong diện tích đất được chia nêu trên; công trình phụ gồm một bể nước, nhà vệ sinh.

* Ông Cà Văn K được quyền sở hữu nhà, tài sản và quyền sử dụng đất gồm:

- Ông Cà Văn K được sử dụng đất ở là 133,2m². Phía trước tiếp giáp đường liên xã Pi Toong - Mường Trai rộng 4,0m; phía sau tiếp giáp ao ông Lò Văn Thuận rộng 4,0m; Phía giáp đất chia cho bà Lò Thị L dài 33,3m; phía giáp nhà ông Lò Văn Ính dài 33,3m. Đất thuộc thửa số 42, tờ bản đồ 77, địa chỉ thửa đất Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La.

- Ông Cà Văn K được sở hữu phần nhà xây cấp 4; phần phía trước có nhà khung sắt lợp tôn, phần nhà phía sau có nhà sàn khung sắt lợp Ploximăng nằm trong diện tích đất được chia nêu trên; công trình phụ gồm một bể nước.

Các đương sự có quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

* Tài sản vật dụng hiện còn được chia như sau:

- Bà Lò Thị L được sở hữu gồm: Một xe Honda Wave RSX biển kiểm soát 26L1-02.122, đăng ký mang tên Lò Thị L hiện bà Lò Thị L đang sử dụng; 01 bình nóng lạnh; 02 mat Camera; 01 giường đôi gỗ Pomu; 01 tủ đứng tôn; 01 máy bơm nước; 01 bếp ga; 01 téc nhựa; 01 téc Inoc Toàn á;

- Ông Cà Văn K được sở hữu gồm: Một xe nhãn hiệu SYM biển kiểm soát 26B1-36.520 hiện nay ông Cà Văn K đang sử dụng; 01 tủ đông hiệu Nano Mistu; 01 giường đôi gỗ lát, 01 tủ đứng tôn; 01 máy làm ruốc; 01 máy lọc nước Aqua.

3. Về nợ chung:

Bà Lò Thị L có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh, theo sổ vay vốn mã khách hàng 7054937863 ngày 02/12/2016.

Ông Cà Văn K có trách nhiệm trả cho bà Lò Thị L số tiền chênh lệch nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Mường La, tỉnh Sơn La là 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/9/2020, bà Lò Thị L là nguyên đơn có đơn kháng cáo không nhất trí với Bản án sơ thẩm như sau: Không nhất trí với cách chia tài sản của cấp sơ thẩm, bà L cho rằng nhà đất là tài sản riêng do bà mua trước thời điểm đăng ký kết hôn với ông K và số tiền mua nhà đất là do một mình bà chi trả. Các tài liệu, chứng cứ ông K giao nộp tại Tòa án đều là bịa đặt không khớp với giấy tờ mua bán mà bà đã giao nộp. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xem xét giải quyết chia lại nhà và đất cho bà.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn bà Lò Thị L: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia lại nhà và đất là tài sản riêng của cá nhân bà.

Ý kiến tranh luận của bị đơn ông Cà Văn K: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đèo Văn Hải: Không nhất trí với quyết định tại Bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên nhà và đất thuộc quyền sở hữu của bà Lò Thị L.

Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mường La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Lò Thị L là đúng thẩm quyền theo quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Lò Thị L có đơn kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo thông báo của Tòa án trong hạn luật định. Do vậy đơn kháng cáo của bà Lò Thị L được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La đã xác định khối tài sản chung của ông K, bà L có trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

- Diện tích 266,4m² đất ở thuộc thửa số 42, tờ bản đồ 77, địa chỉ thửa đất tại Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc quy hoạch khu dân cư, đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 01 nhà xây cấp 4, xây dựng năm 2002; phía trước có nhà khung sắt lợp tôn, phía sau có nhà sàn khung sắt lợp Ploximăng đều làm năm 2018; công trình phụ gồm hai bể nước, một nhà vệ sinh.

- 02 chiếc xe máy đều mua trong thời kỳ hôn nhân: (trong đó: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM biển kiểm soát 26B1-36.520 hiện nay ông Cà Văn K đang sử dụng; 01 chiếc xe máy Honda Wave RSX biển kiểm soát 26L1-02.122, đăng ký mang tên Lò Thị L, hiện nay bà Lò Thị L đang sử dụng); 01 tủ đông hiệu Nano Mistu; 01 bình nóng lạnh; 02 mắt Camera; 01 giường đôi gỗ lát, 01 giường đôi gỗ Pơmu; 02 tủ đứng tôn; 01 máy làm ruốc; 01 máy bơm nước; 01 bếp ga; 01 téc nhựa; 01 téc Inoc Toàn Á; 01 máy lọc nước Aqua.

[2.2] Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với đất và tài sản trên đất đang tranh chấp tại Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Kết quả xem xét thẩm định xác định:

- Phần đất bà Lò Thị L, ông Cà Văn K đang quản lý sử dụng có tổng diện tích 281,1m² (trong đó hành lang giao thông là 18,0m², đất ở nông thôn là 263,1m²); địa chỉ tại Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Có tứ cận:

- + Phía Tây Bắc giáp đất ông Lò Văn Ính có chiều dài 35,82m.

- + Phía Tây Nam giáp đường liên xã có chiều rộng 7,99m.

- + Phía Đông Bắc giáp đất ông Lò Văn Soạn có chiều dài 34,95m.

+ Phía Đông Nam giáp đất ông Lò Văn Thuận có chiều rộng 8,14m.

Trong đó: Phần diện tích đất mua trước (năm 2012) vị trí 1 (**ký hiệu S1**) là 159,7m² có chiều dài 20m, mặt trước giáp đường là 7,99m, mặt sau là 7,98m.

Phần diện tích đất mua sau (năm 2014) vị trí 2 (**ký hiệu S2**) là 103,4m², chiều rộng mặt trước mặt tiếp giáp vị trí 1 là 7,98m, mặt sau giáp ao là 8,14m; chiều dài giáp nhà ông Lò Văn Ính là 13,91m, giáp nhà ông Lò Văn Soạn 12,30m.

- Tài sản trên đất tranh chấp gồm có:

+ Công trình số 1: Nhà ở 01 tầng, tường xây gạch trụ lực 110mm, hiên bê tông, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng, trần nhựa, diện tích 51,1m², từ mép tường nhà phía Tây Bắc đến giáp ranh giới nhà ông Ính là 2,85m, từ mép tường nhà phía Đông Bắc đến giáp ranh giới nhà ông Soạn phía trước 0,3m, phía sau 0,11m, có 01 gác xép lửng sàn bằng gỗ, diện tích 15m², công trình đưa vào sử dụng năm 2002.

Bán mái (phía trước nhà) khung cột sắt, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng, diện tích 72,5m², trong đó nằm trong hành lang giao thông là 25,1m², nằm ngoài hành lang giao thông là 47,4m², chiều rộng giáp mặt đường 7,60m, chiều rộng mặt sau chỗ đất trống là 2,74m, mặt giáp nhà 5,36m, chiều dài giáp nhà ông Ính 10,38m, giáp nhà ông Soạn 8,77m, công trình đưa vào sử dụng năm 2014.

+ Công trình số 2: Nhà tắm tường xây gạch 110mm, mái đổ bê tông cốt thép, nền lát gạch men, diện tích 6,2m², công trình đưa vào sử dụng năm 2002.

+ Công trình số 3: Nhà khung cột sắt (phía sau nhà) mái lợp fibrô xi măng, nền láng vữa xi măng, diện tích 68,9m² công trình đưa vào sử dụng năm 2015.

Hạng mục phụ trợ gồm có: 02 bể nước, 01 giếng nước đào (Bể nước số 01: Tường xây gạch chỉ 110mm, nắp đổ bê tông cốt thép, có thể tích 3,6 m³, công trình đưa vào sử dụng năm 2014. Bể nước số 02: Tường xây gạch chỉ 110mm, nắp đổ bê tông cốt thép, có thể tích 7,0 m³, công trình đưa vào sử dụng năm 2002. Giếng nước đào xây thành bằng gạch có thể tích là 6m³, công trình đưa vào sử dụng năm 2013).

[3] Xét đơn kháng cáo của bà Lò Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Về nguồn gốc khối tài sản chung và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của ông Cà Văn K và bà Lò Thị L có trong thời kì hôn nhân như cấp sơ thẩm xác định là chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

[3.1] Xác định khối tài sản chung của bà L, ông K có trong thời kỳ hôn nhân gồm: Phần diện tích đất S2 (mua năm 2014); phần bán mái (phía trước nhà) khung cột sắt xây dựng năm 2014; 01 nhà khung cột sắt (phía sau nhà) mái lợp fibrô xi măng, nền láng vữa xi măng, diện tích 68,9m² xây dựng năm 2015; Bể nước số 01 xây dựng năm 2014; 01 giếng nước đào xây thành bằng gạch năm

2013; 01 xe máy nhãn hiệu SYM biển kiểm soát 26B1-36.520, hiện nay ông Cà Văn K đang sử dụng; 01 xe máy Honda Wave RSX biển kiểm soát 26L1-02.122, đăng ký mang tên Lò Thị L, hiện nay bà Lò Thị L đang sử dụng; 01 tủ đông hiệu Nano Mistu; 01 bình nóng lạnh; 02 mắt Camera; 01 giường đôi gỗ lát, 01 giường đôi gỗ Pomu; 02 tủ đứng tôn; 01 máy làm ruốc; 01 máy bơm nước; 01 bếp ga; 01 téc nhựa; 01 téc Inoc Toàn Á; 01 máy lọc nước Aqua đều là khối tài sản hình thành và tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Cà Văn K và bà Lò Thị L.

[3.2] Đối với khối tài sản là phần diện tích đất S1 (mua năm 2012) có diện tích 159,7m² chiều dài 20m, mặt trước giáp đường 7,99m, mặt sau 7,98m kèm theo công trình số 01 là nhà ở một tầng đưa vào sử dụng năm 2002; địa chỉ tại Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai tại biên bản xác minh đối với người chuyển nhượng đất là ông Phạm Ngọc Thăng xác định ông Thăng đã chuyển nhượng phần diện tích đất 160 m² và nhà cấp IV xây dựng năm 2002 cho hai ông bà Lò Thị L và Cà Văn K là chưa đủ căn cứ vững chắc. Mặc khác, đối với phần diện tích đất S1 kèm theo nhà cấp IV xây dựng trên đất thể hiện trong giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/9/2012 (thời điểm trước khi ông K, bà L đăng ký kết hôn) giữa bên chuyển nhượng là ông Phạm Ngọc Thăng và bên nhận chuyển nhượng là bà Lò Thị L, xác định bên nhận chuyển nhượng chỉ có duy nhất bà Lò Thị L, đồng thời bà L đã thanh toán xong toàn bộ số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Thăng năm 2012. Như vậy, phần diện tích đất S1 được xác định là tài sản riêng do bà L mua trước thời điểm đăng ký kết hôn với ông K. Do đó, Tòa án nhân huyện Mường La xác định phần diện tích đất S1 kèm theo nhà cấp IV xây dựng trên đất nêu trên là tài sản chung giữa ông Cà Văn K và bà Lò Thị L là chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay ông K và bà L đều có nhu cầu được sử dụng diện tích đất đang tranh chấp tại Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Xét thấy, trong quá trình sống chung, bà L là giáo viên có thu nhập ổn định hàng tháng. Do vậy khi phân chia khối tài sản chung của ông K và bà L có trong thời kỳ hôn nhân cần xem xét đến quyền lợi của bà L là người đã có nhiều công sức tạo ra nguồn tiền để phát triển tài sản, đóng góp vào khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân tồn tại.

Tại khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn như sau: *“Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây: a) Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng; b) Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập...”*.

Xét thấy, bà Lò Thị L là người đang quản lý, sử dụng các công trình trên đất và là người có nhiều đóng góp công sức đóng góp đối với tài sản là nhà, đất và các công trình trên đất. Đồng thời, để đảm bảo công năng sử dụng, kết cấu xây dựng của nhà ở và các công trình trên đất thành một khối thống nhất, cần giao cho bà Lò Thị L được quản lý, sử dụng 263,1 m² đất kèm toàn bộ công trình nhà cửa và các hạng mục phụ trợ, địa chỉ thửa đất tại Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Buộc bà Lò Thị L phải thanh toán phần giá trị chênh lệch cho ông Cà Văn K số tiền tương ứng với một phần hai giá trị tài sản là đất và các công trình nhà cửa, vật kiến trúc và các hạng mục phụ trợ được xác định là tài sản chung vợ chồng.

Căn cứ theo biên bản định giá tài sản ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị tài sản định giá sau khi đã kiểm tra thực tế và khảo sát giá trên thị trường tại địa bàn đối với đất và tài sản gắn liền trên đất như sau:

- Thửa đất S2 (mua năm 2014) có diện tích 103,4m²; trị giá 31.020.000 đồng;
- Giá trị phân bán mái (phía trước nhà) khung cột sắt, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng đưa vào sử dụng năm 2014 là 39.150.000 đồng;
- Giá trị nhà khung cột sắt (phía sau nhà) mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng đưa vào sử dụng năm 2015 là 55.809.000 đồng
- Giá trị bể nước số 01 tường xây gạch chỉ 110mm, nắp đồ bê tông cốt thép đưa vào sử dụng năm 2014 là 1.603.800 đồng;
- Giá trị giếng nước đào xây thành bằng gạch đưa vào sử dụng năm 2013 là 1.278.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị khối tài sản chung là đất và tài sản gắn liền trên đất là 128.860.800 đồng. Do đó, buộc bà Lò Thị L phải thanh toán $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị tài sản là đất và các công trình nhà cửa, hạng mục phụ trợ trên đất cho ông Cà Văn K tương ứng với số tiền 64.430.400 đồng.

[4] Từ sự phân tích trên, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lò Thị L. Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 60/2020/HNGĐ-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La như sau:

[4.1] Giao cho bà Lò Thị L được quản lý, sử dụng 263,1 m² đất kèm toàn bộ công trình nhà cửa và các hạng mục phụ trợ, địa chỉ thửa đất tại Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La; bà Lò Thị L được sở hữu: Một xe máy Honda Wave RSX biển kiểm soát 26L1-02.122, đăng ký mang tên Lò Thị L (hiện bà Lò Thị L đang sử dụng); 01 bình nóng lạnh; 02 mat Camera; 01 giường đôi gỗ Pomu; 01 tủ đứng tôn; 01 máy bơm nước; 01 bếp ga; 01 téc nhựa; 01 téc Inoc Toàn á.

[4.2] Giao cho ông Cà Văn K được sở hữu gồm: 01 xe máy nhãn hiệu SYM biển kiểm soát 26B1-36.520 (hiện nay ông Cà Văn K đang sử dụng); 01 tủ đông hiệu Nano Mistu; 01 giường đôi gỗ lát, 01 tủ đứng tôn; 01 máy làm ruốc; 01 máy lọc nước Aqua.

[4.3] Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và các công trình nhà cửa, hạng mục phụ trợ được xác định là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Cà Văn K và bà Lò Thị L đã được Hội đồng định giá tài sản kết luận có giá trị là 128.860.800 đồng. Chia theo phần, ông Cà Văn K và bà Lò Thị L mỗi bên được nhận phần tài sản tương ứng với số tiền 64.430.400 đồng.

[5] Do bà Lò Thị L được sử dụng khối tài sản có giá trị lớn hơn, vì vậy buộc bà Lò Thị L phải có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho ông Cà Văn K với số tiền 64.430.400 đồng.

[6] Về án phí: Do bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mường La bị cấp phúc thẩm sửa một phần, vì vậy nguyên đơn bà Lò Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối với án phí dân sự sơ thẩm sẽ được tính lại theo giá trị tài sản được chia.

Ông Cà Văn K và bà Lò Thị L phải chịu án phí có giá ngạch đối với việc chia toàn bộ tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng đối với phần tài sản được nhận theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội).*

Căn cứ vào Kết quả định giá tài sản ngày 20 tháng 8 năm 2020 xác định giá trị tài sản không cố định là 10.770.000 đồng và Kết quả định giá tài sản ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị tài sản đối với đất và tài sản gắn liền trên đất là 230.214.000 đồng. Do đó tổng giá trị toàn bộ tài sản đang tranh chấp là 240.000.000 đồng (làm chẵn).

Bà Lò Thị L phải chịu án phí dân sự chia tài sản chung tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là 171.000.000 đồng (làm chẵn). Ông Cà Văn K phải chịu án phí dân sự chia tài sản chung tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là 69.000.000 đồng (làm chẵn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lò Thị L; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2020/HNGĐ-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La như sau:

1.1- Giao cho bà Lò Thị L được quản lý, sử dụng diện tích 263,1 m² đất kèm toàn bộ công trình nhà cửa và các hạng mục phụ trợ trên đất; địa chỉ thửa đất tại Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Có tứ cận:

- + Phía Tây Bắc giáp đất ông Lò Văn Ính có chiều dài 35,82m.
- + Phía Tây Nam giáp đường liên xã có chiều dài 7,99m.
- + Phía Đông Bắc giáp đất ông Lò Văn Soạn có chiều dài 34,95m.
- + Phía Đông Nam giáp đất ông Lò Văn Thuận có chiều dài 8,14m.

Trong đó bao gồm: Phần diện tích đất mua trước (năm 2012) vị trí 1 là 159,7 m² có chiều dài 20m, mặt trước giáp đường 7,99m, mặt sau 7,98m;

Phần diện tích đất mua sau (năm 2014) vị trí 2 là 103,4 m², có chiều rộng mặt trước tiếp giáp vị trí 1 là 7,98m, mặt sau giáp ao là 8,14m, chiều dài giáp nhà ông Lò Văn Ính là 13,91m, giáp nhà ông Lò Văn Soạn 12,30m.

- Giao cho bà Lò Thị L được sở hữu: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 26L1-02.122, đăng ký mang tên Lò Thị L (hiện bà Lò Thị L đang sử dụng); 01 bình nóng lạnh; 02 mắt Camera; 01 giường đôi gỗ Pomu; 01 tủ đứng tôn; 01 máy bơm nước; 01 bếp ga; 01 tég nhựa; 01 tég Inoc Toàn Á.

1.2- Giao cho ông Cà Văn K được sở hữu gồm: 01 xe máy nhãn hiệu SYM biển kiểm soát 26B1-36.520 (hiện nay ông Cà Văn K đang sử dụng); 01 tủ đông hiệu Nano Mistu; 01 giường đôi gỗ lát; 01 tủ đứng tôn; 01 máy làm ruốc; 01 máy lọc nước Aqua.

2. Buộc bà Lò Thị L phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho ông Cà Văn K số tiền là 64.430.400 đồng (*Sáu mươi tư triệu bốn trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng*).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự”.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bà Lò Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0004015 ngày 14/9/2020, được khấu trừ vào số tiền án phí phải nộp.

Bà Lò Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004920 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Ông Cà Văn K phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia là 3.450.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Bà Lò Thị L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia là 8.550.000 đồng (*Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mường La, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mường La, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh